

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 17/01/2025
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải.

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 782/2024/TLST-DS ngày 30/10/2024 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 615/2024/QĐXXST-DS ngày 11/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 421/2024/QĐST-DS, ngày 27/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, Phường Võ Thị S, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty B; Địa chỉ: Số 278, đường N, Phường Võ Thị S, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T. Chức vụ: Tổng Giám đốc (Theo Giấy uỷ quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Ông Trần Gia Th, sinh năm 1971. Chức danh: Nhân viên Công ty B (Theo giấy uỷ quyền số 4390/2023/UQ-TGD ngày 13/12/2023). Địa chỉ: Số 862/123, đường Lê Đức Th, Phường A, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Nguyễn Thanh M, sinh năm 1995.

HKTT: Tổ 14, khóm 03, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Trần Gia Th là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Anh Nguyễn Thanh M là bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 17/01/2025 của ông Trần Gia Th là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP A trình bày:***

Ngày 18/02/2019, anh M có ký với Ngân hàng TMCP A Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ Visa, số thẻ 47075 - 8462, lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 199.044.590 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh M đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 192.252.328 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau.

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hoá của kỳ trước.
- Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hoá trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/7/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 28.748.295 đồng làm nợ gốc áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng thời điểm hiện tại).

Do anh M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu anh M phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 17/01/2025 là 62.757.725 đồng cụ thể:

- + Nợ gốc: 28.748.295 đồng.
- + Nợ lãi quá hạn: 34.009.430 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc nhiều lần làm việc trực tiếp với anh Minh yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đồng thời, Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, anh Minh vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh M phải thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/01/2025 số tiền là 62.757.725 đồng (trong đó nợ gốc là 28.748.295 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.009.430 đồng).

Anh Nguyễn Thanh M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/01/2025 cho đến khi trả xong hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*** Bị đơn anh Nguyễn Thanh M trình bày:** Tòa án đã triệu tập họp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh M nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án ra Thông báo về việc nộp văn bản ý kiến số 616/TB-TA, ngày 11/12/2024 cho anh M nhưng anh M cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng. Bị đơn anh Nguyễn Thanh M có địa chỉ tại tổ 14, khóm 03, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP A (có ông Trần Gia Th là người đại diện theo uỷ quyền) có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Nguyễn Thanh M là bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện và theo bản tự khai ngày 17/01/2025, nguyên đơn yêu cầu anh M trả số tiền gốc và lãi còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/01/2025, số tiền 62.757.725 đồng (trong đó nợ gốc là 28.748.295 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.009.430 đồng) và lãi quá hạn phát sinh từ ngày 18/01/2019 đến khi trả dứt khoản nợ theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng ngày 18/02/2019.

Xét thấy, trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 472075 - 8462, anh M đã thực hiện các giao dịch thanh toán với tổng số tiền 199.044.590 đồng, lãi

52.583.134 đồng, phí trễ hạn 1.674.377 đồng, phí vượt hạn mức là 510.952 đồng. Từ khi kích hoạt thẻ đến ngày 22/4/2022, anh M đã thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc, lãi và phí được số tiền là 192.252.328 đồng, còn nợ tiền gốc là 28.748.295 đồng. Từ ngày 23/4/2022, anh M không thanh toán đúng như nghĩa vụ giao kết cho các giao dịch phát sinh đối với Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ của chủ thẻ tại hợp đồng nên căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 anh M phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Ngày 23/7/2022, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và thông báo yêu cầu anh M thanh toán nợ. Theo đó, Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản nợ của thẻ mà anh M sử dụng là 28.748.295 đồng do anh M không thanh toán số tiền tối thiểu là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Theo bảng tóm tắt sao kê và bản tự khai ngày 17/01/2025 thì đến ngày xét xử sơ thẩm 17/01/2025, anh M còn nợ của nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 62.757.725 đồng (trong đó nợ gốc là 28.748.295 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.009.430 đồng).

Xét việc Ngân hàng tính các khoản lãi quá hạn nêu trên dựa vào các thỏa thuận đối với khách hàng là phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP).

Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng TMCP A. Buộc anh M phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi là 62.757.725 đồng (trong đó nợ gốc là 28.748.295 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.009.430 đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay theo Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 209 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 280, Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc anh Nguyễn Thanh Minh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi là 62.757.725 đồng (trong đó nợ gốc là 28.748.295 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.009.430 đồng).

Anh Nguyễn Thanh M có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/02/2019 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.137.886 đồng (ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng).

Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.193.344 đồng (một triệu một trăm chín mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002440 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THATPCL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Huế